

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

Bản án số: 96/2024/DS-PT
Ngày: 09/7/2024
V/v: “Tranh chấp nợ hộ, hộ”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Đức

Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Tất Thái – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2024/TLPT-DS ngày 07 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp: “Nợ hộ, hộ”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 213/2024/QĐ-PT ngày 24 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Trịnh Tâm A, sinh năm: 1976; cư trú tại số A, thôn Đ, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Xuân Lệ T, sinh năm: 1974; cư trú tại số G, thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Lê Cao T1, sinh năm: 1972; địa chỉ liên hệ: số A, đường N, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Luật sư của Văn phòng L - Đoàn Luật sư tỉnh L; có mặt.

- Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Xuân Lệ T – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ghi ngày 29/5/2023, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng của bà Nguyễn Trịnh Tâm A thì: Bà có

tham gia 02 dây họ do bà Nguyễn Thị Xuân Lê T làm chủ cái vào năm 2021 và 2022. Cụ thể:

+ Ngày 25/01/2021 bà áp dây họ 5.000.000đ gồm 35 thành viên. Bà tham gia góp 06 phần, kỳ áp cái đầu tiên bà góp 30.000.000đ, kỳ sổ họ tiếp theo, ai bỏ số tiền lãi cao được hốt. Dây họ này bà đã hốt hết 06 phần họ, bà còn phải đóng 09 kỳ họ với số tiền mỗi tháng là $30.000.000đ \times 9 \text{ kỳ} = 270.000.000đ$.

+ Ngày 05/02/2022, áp cái dây họ 5.000.000đ, dây họ này bà tham gia góp 05 phần. Kỳ góp họ đầu tiên tất cả các thành viên đều phải góp đủ số tiền 5.000.000đ, bà 05 phần thì góp 25.000.000đ. Kỳ đầu tiên các thành viên góp và chủ cái là người mượn số tiền này và hàng tháng chủ cái là người phải trả lại cho các thành viên số tiền 5.000.000đ cho đến khi mãn dây họ và có trách nhiệm tổ chức việc sổ họ, bà A đã góp được 13 kỳ và chưa hốt phần họ nào.

Dây họ chơi đến kỳ thứ 13 thì giữa bà và bà T phát sinh mâu thuẫn và bà T đề nghị thôi họ cản trừ tiền họ chết và họ sống để không cho bà tiếp tục tham gia các dây họ do bà T làm chủ cái. Bà đồng ý việc cản trừ họ và bà T đã cản trừ số tiền bà góp 13 kỳ họ còn sống vào 09 kỳ họ chết bà phải đóng hàng tháng cho bà T với tổng số tiền là 270.000.000đ. Việc cản trừ số tiền họ chết này, bà đồng ý. Tuy nhiên việc bà T chỉ thôi lại cho bà số tiền của 13 kỳ góp họ với số tiền thực tế bà đóng hàng tháng của 13 kỳ sổ họ với số tiền là 277.550.000đ là không đúng với bản chất của việc chơi họ có lãi. Việc tham gia chơi họ mục đích cũng để các thành viên kiếm chút tiền lời từ những thành viên bỏ số tiền để hốt họ. Vì các dây họ trên, các bên khi tham gia chơi có thỏa thuận có lãi, đến kỳ sổ họ ai bỏ số tiền cao thì được hốt, các thành viên không tham gia hốt sẽ được hưởng lợi số tiền thành viên bỏ họ hốt, bà đã tham gia 13 kỳ thì phải thôi lại cho bà số tiền 325.000.000đ, bà T chỉ mới thôi lại số tiền 277.550.000đ, còn thiếu 47.450.000đ. Vì vậy bà khởi kiện yêu cầu bà T phải trả số tiền thôi họ còn thiếu.

- Theo lời trình bày của bà Nguyễn Thị Xuân Lê T thì: Bà xác nhận việc bà Tâm A có tham gia góp 02 dây họ do bà làm chủ cái như lời trình bày của bà Tâm A là đúng. Dây họ ngày 25/01/2021, gồm 35 thành viên, bà Tâm A tham gia góp 06 phần và đã hốt hết 06 phần. Bà Tâm A còn phải đóng họ chết của dây họ này 09 kỳ với số tiền nợ họ là 270.000.000đ. Việc đóng họ là đóng hàng tháng, tuy nhiên khi có tranh chấp phát sinh, bà Tâm A cũng đồng ý cho bà cản trừ nên bà đã cản trừ 270.000.000đ tiền họ chết của dây họ này vào số tiền họ bà phải thôi lại cho bà Tâm A trong dây họ ngày 05/02/2022 (âm lịch).

Dây họ ngày 05/02/2022 (âm lịch) gồm 31 phần (bao gồm cả chủ cái). Áp cái lần đầu vào ngày 05/02/2022 (âm lịch). Mỗi thành viên tham gia góp kỳ đầu tiên mỗi phần 5.000.000đ x 31 phần = 155.000.000đ. Số tiền này, kỳ đầu tiên chủ cái họ sẽ nhận số tiền này mà không phải tham gia bỏ họ và hàng tháng bà có trách nhiệm tổ chức cho các thành viên tham gia bỏ họ, có trách nhiệm thu tiền họ và chõng họ cho thành viên tham gia hốt họ. Hàng tháng bà còn có nghĩa vụ trả

5.000.000đ cho thành viên hốt họ cho đến khi mãn dây họ. Dây họ này sẽ mãn họ vào ngày 05/6/2024 (Âm lịch). Bà Tâm A tham gia góp 05 phần trong dây họ này và tham gia góp đến kỳ thứ 13 được tổng số tiền 277.550.000đ thì giữa các bên phát sinh mâu thuẫn nên đã có việc cản trở họ như bà Trâm A1 trình bày. Cụ thể việc tham gia góp họ và sổ họ như sau:

Lần 1: Ngày 05/02/2022 áp cái 05 phần x 5.000.000đ = 25.000.000đ; lần 2: Ngày 05/3/2022 bỏ họ 810.000đ = 4.190.000đ x 5 phần = 20.950.000đ; lần 3: Ngày 05/4/2022 bỏ họ 860.000đ = 4.140.000đ x 5 phần = 20.700.000đ; lần 4: Ngày 05/5/2022 bỏ họ 870.000đ = 4.130.000đ x 5 phần = 20.650.000đ; lần 5: Ngày 05/6/2022 bỏ họ 800.000đ = 4.200.000đ x 5 phần = 21.000.000đ; lần 6: Ngày 05/7/2022 bỏ họ 620.000đ = 4.338.000đ x 5 phần = 21.900.000đ; lần 7: Ngày 05/8/2022 bỏ họ 700.000đ = 4.300.000đ x 5 phần = 21.500.000đ; lần 8: Ngày 05/9/2022 bỏ họ 720.000đ = 4.280.000đ x 5 phần = 21.400.000đ; lần 9: Ngày 05/10/2022 bỏ họ 730.000đ = 4.270.000đ x 5 phần = 21.400.000đ; lần 10: Ngày 05/11/2022 bỏ họ 750.000đ = 4.250.000đ x 5 phần = 21.250.000đ; lần 11: Ngày 05/12/2022 bỏ họ 850.000đ = 4.150.000đ x 5 phần = 20.750.000đ; lần 12: Ngày 05/01/2023 bỏ họ 920.000đ = 4.080.000đ x 5 phần = 20.400.000đ; lần 13: Ngày 05/02/2023 bỏ họ 860.000đ = 4.140.000đ x 5 phần = 20.700.000đ.

Tổng số tiền 277.550.000đ bà Tâm A tham gia góp họ của 13 kỳ sổ họ trừ tổng số tiền 270.000.000đ bà Tâm A còn nợ của dây họ ngày 25/01/2021 (âm lịch), còn lại số tiền 7.550.000đ bà đã chuyển khoản trả đầy đủ cho bà Tâm A. Do đó, để đảm bảo an toàn cho dây họ sổ ngày 25/01/2021 do bà Tâm A đã hốt nên bà không thối tiền lời họ của dây họ sổ ngày 05/02/2022. Bà không đồng ý trả cho bà Tâm A số tiền lời họ 47.450.000đ.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án số 11/2024/DS-ST ngày 17/4/2024; Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Trịnh Tâm A. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân Lệ T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Trịnh Tâm A số tiền 47.450.000đ.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, án phí và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 25/4/2024 bà Nguyễn Thị Xuân Lệ T có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa,

Bà Nguyễn Thị Xuân Lệ T vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Bà Nguyễn Trinh Tâm A, không đồng ý với kháng cáo của bà T, đề nghị giải quyết như Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà T, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tâm A về việc buộc bà T trả số tiền lãi họ 47.450.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên được Tòa án cấp sơ thẩm xác định theo đúng quy định của pháp luật; đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Xuân Lê T, thủ tục kháng cáo được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 271, 273, 278 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên đủ điều kiện để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Qua xem xét thì thấy rằng:

[2.1] Theo hồ sơ vụ án thể hiện: Nguyên đơn và bị đơn thừa nhận bị đơn là chủ cái 02 dây họ ngày 25/01/2021 và dây họ ngày 05/02/2022 (âm lịch), mỗi phần góp 5.000.000đ. Bà Tâm A đã tham gia góp 06 phần vào dây họ ngày 25/01/2021 và đã hót hết 06 phần, còn phải đóng 09 kỳ họ chết của dây họ này với số tiền là 270.000.000đ. Đối với dây họ ngày 05/02/2022, bà Tâm A đã tham gia góp 05 phần và đã tham gia số họ đến kỳ sổ họ thứ 13, sau đó các bên phát sinh mâu thuẫn. Hai bên thống nhất việc thôi họ và cân trừ hai dây họ.

[2.2] Xét thấy, việc các bên thỏa thuận góp họ và sổ họ trong dây họ ngày 05/02/2022 thuộc trường hợp dây họ có lãi theo quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019. Quá trình giải quyết vụ án bản thân bà T cũng thừa nhận hiện nay 05 phần họ do nguyên đơn tham gia góp trong dây họ này thì bà tiếp tục kế thừa và hưởng lãi của dây họ này đối với 05 phần họ tính từ kỳ sổ họ thứ 14.

Bên cạnh đó, việc nguyên đơn rút khỏi dây họ là theo đề nghị của bà T (chủ dây họ), do đó bà Tâm A có quyền được nhận lại các phần họ đã góp theo thỏa thuận mỗi phần 5.000.000đ trong đó bà Tâm A đã góp 05 phần 25.000.000đ x 13 kỳ = 325.000.000đ là có cơ sở chấp nhận. Quá trình tham gia chơi thì bản thân bà Tâm A cũng không vi phạm nghĩa vụ về đóng tiền huê.

Như vậy, tại kỳ sổ họ thứ 13 việc bà T chỉ thôi lại 05 phần cho bà Tâm A với số tiền thực đóng hàng tháng là 277.550.000đ, số tiền lời họ bà T không thôi đủ cho bà Tâm A là không đúng với việc tham gia chơi hụi, họ có lãi. Việc bà T không hoàn trả số tiền lời họ cho bà Tâm A là vi phạm nghĩa vụ của chủ dây họ được quy định tại Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ – CP ngày 19/02/2019. Do

đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà T phải thanh toán cho bà Tâm A số tiền lãi là có căn cứ.

Tuy nhiên, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định tiền lãi từ số tiền 325.000.000đ – 277.550.000đ (số tiền thực đóng) = 47.450.000đ là chưa chính xác. Do đó, cần tính toán lại số tiền lãi họ mà nguyên đơn được nhận cụ thể như sau:

Lần 2: 20.950.000đ x 1,66% x 12 tháng = 4.173.240đ; lần 3: 20.700.000đ x 1,66% x 11 tháng = 3.779.820đ; lần 4: 20.650.000đ x 1,66% x 10 tháng = 3.427.000đ; lần 5: 21.000.000đ x 1,66% x 09 tháng = 3.137.400đ; lần 6: 21.900.000đ x 1,66% x 08 tháng = 2.908.320đ; lần 7: 21.500.000đ x 1,66% x 07 tháng = 2.498.300đ; lần 8: 21.400.000đ x 1,66% x 06 tháng = 2.131.440đ; lần 9: 21.350.000đ x 1,66% x 05 tháng = 1.772.050đ; lần 10: 21.250.000đ x 1,66% x 04 tháng = 1.411.000đ; lần 11: 20.750.000đ x 1,66% x 03 tháng = 1.033.350đ; lần 12: 20.400.000đ x 1,66% x 02 tháng = 677.280đ; lần 13: 20.700.000đ x 1,66% x 01 tháng = 343.620đ.

Tổng cộng: 27.284.380đ.

[3] Từ những phân tích trên, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Xuân Lệ T để sửa Bản án sơ thẩm theo hướng đã nhận định là có căn cứ.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Xuân Lệ T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho bà Tâm A là 27.284.380đ x 5% = 1.364.219đ. Bà Nguyễn Trịnh Tâm A không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

Do kháng cáo được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Xuân Lệ T không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 4 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Xuân Lệ T; sửa Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Trịnh Tâm A về việc: “Tranh chấp nợ họ, hụi” với bà Nguyễn Thị Xuân Lệ T.

Buộc bà Nguyễn Thị Xuân Lệ T có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Trịnh Tâm A số tiền 27.284.380đ (hai mươi bảy triệu hai trăm tám mươi bốn nghìn ba trăm tám mươi đồng).

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Trịnh Tâm A không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm; bà Tâm A được nhận lại số tiền 1.811.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009409 ngày 08/6/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Bà Nguyễn Thị Xuân Lệ T phải chịu 1.364.219đ án phí Dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0002494 ngày 03/5/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng. Bà T còn phải nộp 1.064.219đ.

- Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Xuân Lệ T không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng KT-NV & THA (01);
- TAND huyện Đơn Dương (01);
- Chi cục THADS huyện Đơn Dương (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Châu Thạch